



Ký bởi: Bộ Y tế  
Cơ quan: Bộ Y tế  
Ngày ký: 04-01-2022  
17:40:37 +07:00

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /BC-BYT

*Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19** **(Từ 16h00 ngày 03/01/2022 đến 16h00 ngày 04/01/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

#### **I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc tới nay hơn 293,6 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong.

Các nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu đối với 12.000 hộ gia đình và phân tích tỷ lệ lây nhiễm thứ phát đối với cả hai loại biến thể Omicron và Delta. Kết quả cho thấy Omicron có khả năng gây lây nhiễm thứ phát cao gấp 2,7 - 3,7 lần so với Delta trong cộng đồng những người đã tiêm vaccine ngừa COVID-19. Cụ thể, đối với những người đã hoàn tất phác đồ tiêm chủng cơ bản của vaccine ngừa COVID-19, tỷ lệ này là 2,61 lần, và đối với những người đã được tiêm mũi tăng cường, Omicron gây tỷ lệ lây nhiễm thứ phát cao hơn 3,66 lần so với Delta. Trong khi đó, trong cộng đồng những người chưa tiêm phòng COVID-19, tỷ lệ lây nhiễm thứ phát do Omicron chỉ cao hơn 1,17 lần so với Delta. Như vậy, những người chưa được tiêm phòng đều có nguy cơ cao nhiễm biến thể Omicron hoặc biến thể Delta, nhưng những người đã tiêm phòng thì có nguy cơ nhiễm Omicron cao hơn nhiều so với khả năng nhiễm Delta. Các nhà nghiên cứu cho biết khả năng tái mắc COVID-19 với biến thể Omicron là cao hơn 5,41 lần so với Delta.

Tại Mỹ, số ca mắc mới đã tăng gấp đôi trong 7 ngày qua, lên mức kỷ lục là trung bình 418.000 ca một ngày. Tính trên cả nước, 18% kết quả xét nghiệm cho kết quả dương tính. Tỷ lệ trẻ em mắc nhập viện tại Mỹ đã lên đến mức cao chưa từng thấy trong tuần trước. Theo dữ liệu của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Mỹ (CDC), trong tuần từ ngày 22-28/12, trung bình 378 trẻ em dưới 17 tuổi nhập viện mỗi ngày vì Covid-19, tăng 66% so với một tuần trước đó.

#### **II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 04/01/2022, cả nước ghi nhận 1.800.704 ca mắc, trong đó 1.796.436 ca trong nước. Đến nay đã có 1.413.384 người khỏi bệnh, 33.021 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.797.852 ca, trong đó có 1.794.866 ca trong nước (99,8%), 1.410.567 người đã khỏi bệnh (78,5%), 32.986 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

#### **III. Tình hình dịch trong ngày**

##### **1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.861 ca mắc mới, trong đó 14.829 ca ghi nhận trong nước (giảm 1.087 ca so với ngày trước đó) tại 60 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.499), Tây Ninh (916), Khánh Hòa (797), Hồ Chí Minh (664), Bình Định (608), Hải Phòng (602), Bình Phước (593), Cà Mau (450), Vĩnh Long (431), Bến Tre (420), Đắk Lắk (367), Bắc Ninh (342), Thanh Hóa (286), Thừa Thiên Huế (285), Hưng Yên (276), Đà Nẵng (253), An Giang (232), Quảng Ninh (227), Bạc Liêu (225), Thái Nguyên (220), Hải Dương (203), Lâm Đồng (202), Bắc Giang (202), Cần Thơ (196), Trà Vinh (196), Quảng Nam (194), Hà Giang (179), Gia Lai (171), Phú Yên (166), Quảng Ngãi (157), Đắk Nông (152), Đồng Tháp (138), Vĩnh Phúc (137), Ninh Bình (134), Nam Định (134), Bình Thuận (119), Hòa Bình (107), Sóc Trăng (103), Kiên Giang (97), Nghệ An (94), Tiền Giang (85), Hà Nam (79), Thái Bình (78), Phú Thọ (75), Sơn La (68), Cao Bằng (66), Bình Dương (65), Lào Cai (65), Kon Tum (63), Điện Biên (62), Đồng Nai (51), Bà Rịa - Vũng Tàu (42), Long An (41), Quảng Bình (40), Yên Bái (36), Hậu Giang (35), Ninh Thuận (33), Tuyên Quang (30), Hà Tĩnh (23), Lai Châu (18).

+ Có 32 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hồ Chí Minh (10), Hà Tĩnh (7), Tây Ninh (6), Nghệ An (4), Hà Nội (2), Nam Định (1), Quảng Nam (1), Đồng Tháp (1).

- Trong ngày, tỉnh Trà Vinh báo cáo bổ sung 6.867 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 sau khi điều tra đầy đủ thông tin.

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.499 ca mắc, trong đó 611 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 518 ca tầm soát trong cộng đồng, 1.359 ca trong khu cách ly và 11 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.499 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Hà Đông 236, Hoàng Mai 222, Đống Đa 163, Gia Lâm 150, Thanh Xuân 143, Long Biên 140, Nam Từ Liêm 114, Ba Đình 102, Bắc Từ Liêm 94, Hoàn Kiếm 94, Tây Hồ 88, Đông Anh 87, Thường Tín 87, Cầu Giấy 85, Mê Linh 84, Sóc Sơn 83, Hai Bà Trưng 79, Thanh Trì 68, Thanh Oai 62, Chương Mỹ 56, Đan Phượng 43, Sơn Tây 39, Hoài Đức 39, Ba Vì 29, Thạch Thất 24, Mỹ Đức 21, Ứng Hòa 15, Phúc Thọ 11, Quốc Oai 10, Phú Xuyên 2 và 29 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hải Phòng (giảm 1.147), Vĩnh Long (giảm 411), Trà Vinh (giảm 321).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Hà Nội (tăng 399), Đắk Lắk (tăng 367), Phú Yên (tăng 166).

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 10.864 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 68,3% tổng số mắc trong ngày), giảm 1.084 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.130 ca cộng đồng (giảm 330 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 54.230 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 123 ca cộng đồng (giảm 43 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 11.991 ca.

+ TP. Hải Phòng: Trong ngày ghi nhận 602 ca cộng đồng (giảm 1.147 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 13.065 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 64 ca cộng đồng (tăng 6 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 30.535 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Bình Phước tăng 3.077 ca, TP. Hải Phòng tăng 2.709 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Cà Mau (giảm 2.751 ca), Bến Tre (giảm 1.430 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.005 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.410.567 người đã khỏi bệnh (78,5%), tăng 16.227 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 354.299 trường hợp, trong đó có 6.651 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.720; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 981; (3) Thở máy không xâm lấn: 132; (4) Thở máy xâm lấn: 800; (5) EMO: 18.

Trong ngày 03/01, ghi nhận 190 trường hợp tử vong (giảm 31 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (31) trong đó có 6 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: An Giang (2), Tiền Giang (2), Long An (1), Bình Phước (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (19), Đồng Tháp (14), Vĩnh Long (13), Cần Thơ (13), Tây Ninh (12), Bình Dương (11), Bến Tre (10), Bình Phước (9), Bà Rịa - Vũng Tàu (9), Sóc Trăng (8), Tiền Giang (7), Cà Mau (6), Bình Thuận (5), Bạc Liêu (5), Huế (4), Long An (3), Bình Định (2), Trà Vinh (2), Khánh Hoà (2), Kiên Giang (2), Hậu Giang (2), Phú Yên (1).

#### **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Xây dựng hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đảm bảo an toàn cho các đại biểu tham dự Kỳ họp bất thường lần thứ nhất, Quốc hội khóa XV.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới; không mặc cảm, kỳ thị những người nhiễm hoặc nghi nhiễm COVID-19; người dân về từ các địa bàn có nguy cơ chủ động khai báo với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn theo dõi sức khỏe, lấy mẫu xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

#### **V. Công tác xét nghiệm:**

Tính đến ngày 03/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 36.281.236 mẫu cho 79.004.404 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 30.636.734 mẫu tương đương 75.256.465 lượt người, tăng 73.499 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.707.981 mẫu gộp cho 47.414.135 lượt người.

#### **VI. Công tác tiêm chủng:**

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 03/01/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 195.102.218 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

\* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 76.874.340 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 51.761.200 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều
- + Sputnik Light: 100.000 liều

\* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 96.919.280 liều

- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 41.519.280/51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.
- Nguồn viện trợ COVAX: 45.895.820 liều
- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 25.403.720 liều
- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm).

Trong tổng số 195 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 113 đợt với tổng số 176,8 triệu liều, còn khoảng 18,2 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

## 2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 03/01/2022, cả nước đã tiêm 154.344.391 liều (trong ngày tiêm được 405.584 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 87,3% số vắc xin phân bổ 113 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 141.247.950 liều, trong đó có 70.124.783 mũi 1; 64.243.850 mũi 2; 1.211.108 mũi 3 (đối với vắc xin Abdala); 1.926.484 liều bổ sung và 3.741.725 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 99,7% và tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản là 91,3% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 96,6% và 89,1%; miền Trung là 96,7% và 89,2%; Tây Nguyên là 98,1% và 85,9%; miền Nam là 100% và 92,9%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

- + 45/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%
- + 11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%
- + 07/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ dưới 90% là Nam Định (88,7%), Hưng Yên (87,2%), Hà Tĩnh (89,0%), Lai Châu (89,1%), Cao Bằng (89,6%), Quảng Bình (85,8%), Tây Ninh (88,7%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

- + 34/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%
- + 23/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;
- + 06/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80% là Hải Dương (77,1%), Hà Tĩnh (77,1%), Cao Bằng (77,9%), Sơn La (75,3%), Trà Vinh (78,5%) và Bình Dương (78,9%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 13.096.441 liều, trong đó có 7.725.828 mũi 1 và 5.370.613 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 86,0% và tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản là 59,8% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 82,6% và 55,1%; miền Trung là 78,9% và 39,2%, Tây Nguyên là 92,3% và 29,1%, Miền Nam là 91,6% và 77,3%.

24 tỉnh thành, phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lạng Sơn, Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Công tác truy vết:** Từ ngày 27/4 đến ngày 04/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.404.487 trường hợp F1, trong đó có .055.499 trường hợp đã được xét nghiệm.

**VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

**IX. Hoạt động của các địa phương:**

1. TP. Hồ Chí Minh: Cho phép các cơ sở kinh doanh vũ trường, quán bar, karaoke, câu lạc bộ khiêu vũ, massage được phép hoạt động trở lại từ 10/1/2022. Các cơ sở này phải đảm bảo Bộ tiêu chí đánh giá an toàn phòng, chống dịch theo quy định.

2. TP. Hải Phòng: Điều chỉnh cách ly và xét nghiệm đối với F0 và F1. Theo đó, đối với bệnh nhân F0 điều trị tại nhà, thực hiện xét nghiệm nhanh kháng nguyên vào ngày thứ 10, nếu có kết quả xét nghiệm dương tính sẽ tiếp tục cách ly điều trị 7 ngày và lấy mẫu xét nghiệm lại vào ngày thứ 7; nếu có kết quả xét nghiệm âm tính sẽ kết thúc điều trị (cấp giấy xác nhận khỏi bệnh); tự theo dõi sức khỏe tại nhà trong 7 ngày tiếp theo. F0 điều trị tại cơ sở y tế, ca bệnh không có triệu chứng lâm sàng trong suốt thời gian điều trị thì thực hiện xét nghiệm RT-PCR vào ngày thứ 9, nếu có kết quả xét nghiệm âm tính hoặc  $Ct \geq 30$  được kết thúc điều trị (cấp giấy ra viện); thực hiện cách ly tại nhà trong 7 ngày tiếp theo. Ca bệnh có triệu chứng lâm sàng, thực hiện xét nghiệm RT-PCR vào ngày thứ 14, nếu có kết quả xét nghiệm âm tính hoặc  $Ct \geq 30$  được kết thúc điều trị (cấp giấy ra viện); thực hiện cách ly tại nhà trong 7 ngày tiếp theo.

**X. Nhận định**

Số ca mắc cộng đồng (trung bình 10.500 ca/ngày) và tử vong (trung bình 200 ca/ngày) ghi nhận ở mức cao trong ngày trong tuần qua. Trong thời gian tới các tỉnh, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, nhất là trong điều kiện thời tiết chuyển biến thuận lợi cho sự phát triển, lây lan của vi rút, năm mới, mùa lễ hội nhu cầu đi lại gia tăng. Biến chủng Omicron khi lan rộng trên thế giới thì có thể sẽ xâm nhập vào nước ta.

**X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

1. Tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19, kiểm soát biến thể mới omicron của vi rút SARS-CoV-2, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

(1) Tăng cường chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục đánh giá cấp độ dịch theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế nhằm có các biện pháp hành chính và chuyên môn y tế phù hợp, thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến phức tạp của biến thể Omicron trong giai đoạn hiện nay, phù hợp với các cấp độ dịch trên địa bàn, từng bước mở cửa cho các hoạt động đi lại, giao thương, phục hồi sản xuất đảm bảo đời sống dân sinh.

(2) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu: (i) người dân phải được tiếp cận y tế từ sớm, từ xa, nâng cao năng lực y tế cơ sở, chủ động sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy...; (ii) vắc xin là yếu tố chiến lược, quyết định cả trước mắt và dài hạn đối với công tác phòng, chống dịch; (iii) bảo đảm dinh dưỡng và chăm sóc, động viên tinh thần cho người bệnh, kết hợp đông y và tây y trong điều trị.

(3) Tuyệt đối không lơ là, chủ quan, bám sát tình hình, sớm phát hiện các thể mới xâm nhập vào Việt Nam; tăng cường xét nghiệm tầm soát với đối tượng, địa bàn có nguy cơ cao, đặc biệt chú ý công tác phòng chống dịch tại các đô thị lớn, khu công nghiệp.

(4) Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao; thận trọng hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm vắc xin, nhất là người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 1 năm 2022 và tiêm mũi thứ 3 cho

người từ 18 tuổi trở lên trong quý I năm 2022. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêm an toàn, nhanh nhất có thể; tiến hành “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, tổ chức các tổ lưu động để vận động người dân và tiến hành tiêm vắc xin; không để sót ai thuộc diện chỉ định tiêm mà không được tiêm thể đầy đủ (kể cả mũi tăng cường), đặc biệt những người thuộc nhóm nguy cơ cao; truyền thông vận động người ân chủ động, tích cực tham gia tiêm chủng an toàn và theo dõi sức khỏe sau tiêm theo hướng dẫn của ngành y tế.

(5) Chỉ đạo, hướng dẫn cho nhân viên y tế và chính quyền cơ sở để tổ chức tốt điều trị tại nhà, tại cơ sở cho người nhiễm SARS-CoV-2 có nguy cơ thấp và trung bình; tránh tình trạng dồn lên bệnh viện các tuyến gây quá tải. Rà soát, chủ động tăng cường năng lực hệ thống y tế; có kế hoạch rõ ràng với các kịch bản cụ thể, không để bị động. Tuyệt đối không để tình trạng người dân xét nghiệm có kết quả dương tính mà không tiếp cận được dịch vụ y tế, không được cấp phát thuốc, không được quản lý, theo dõi sức khỏe.

2. Thường xuyên rà soát cập nhật các cấp độ dịch bám sát với thực tế tình hình dịch, trong trường hợp cần thiết tăng cường một số biện pháp phòng chống dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế; dừng các hoạt động tập trung đông người không cần thiết trong dịp lễ tết; tuy nhiên phải đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng an toàn COVID-19; tăng cường quản lý việc đi lại của người dân từ các địa phương, đặc biệt là từ các địa phương có cấp độ dịch 3, 4; địa phương chủ động căn cứ tình hình dịch để nâng cấp độ dịch và có biện pháp y tế thích ứng phù hợp để thực hiện Công điện số 1745/CT-ĐTg ngày 19/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Truyền thông nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng, chống dịch trong toàn xã hội trước nguy cơ tái bùng phát trên diện rộng trong điều kiện thời tiết cuối năm và biến thể Omicron; truyền thông vận động người dân chủ động, tích cực thực hiện tiêm vắc xin, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện thông điệp 5K, và hướng dẫn cách ly, chăm sóc, theo dõi sức khỏe, điều trị tại nhà đối với người nhiễm COVID-19.

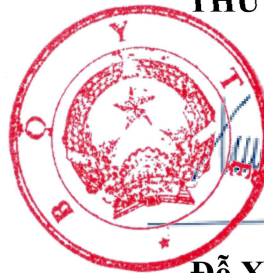
4. Quan tâm đến tình trạng sức khỏe, tâm lý và có các hình thức động viên, khen thưởng và bảo đảm các chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời cho nhân viên y tế và những người trực tiếp tham gia điều trị, chăm sóc người nhiễm SARS-CoV-2.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 03/01	Số mắc ngày 04/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 04/01	Số tử vong tích lũy đến 03/01
<b>Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>15.916</b>	<b>14.829</b>	<b>-1087</b>	<b>1.794.664</b>	<b>32.986</b>
1	Hồ Chí Minh	662	664	2	505.523	19.965
2	Bình Dương	75	65	-10	291.061	3.235
3	Đồng Nai	72	51	-21	98.183	1.405
4	Tây Ninh	919	916	-3	78.837	670
5	Hà Nội	2100	2.499	399	54.230	148
6	Đồng Tháp	132	138	6	44.996	608
7	Cần Thơ	140	196	56	41.773	639
8	Long An	50	41	-9	40.553	829
9	Cà Mau	821	450	-371	40.036	182
10	Khánh Hòa	786	797	11	36.153	183
11	Vĩnh Long	842	431	-411	35.892	391
12	Tiền Giang	58	85	27	34.173	957
13	An Giang	168	232	64	33.361	1.023
14	Bạc Liêu	330	225	-105	31.256	260
15	Sóc Trăng	150	103	-47	30.562	358
16	Kiên Giang	156	97	-59	30.535	557
17	Trà Vinh	517	196	-321	29.869	137
18	Bến Tre	267	420	153	26.778	205
19	BRVT	73	42	-31	26.611	203
20	Bình Thuận	126	119	-7	26.378	296
21	Bình Phước	619	593	-26	24.789	73
22	Bình Định	547	608	61	18.232	59
23	T.T.Huế	321	285	-36	14.635	69
24	Hậu Giang	94	35	-59	13.197	61
25	Hải Phòng	1749	602	-1.147	13.065	9
26	Bắc Ninh	460	342	-118	13.036	17
27	Đắc Lắc	0	367	367	12.021	65
28	Đà Nẵng	159	253	94	11.991	79
29	Lâm Đồng	255	202	-53	10.398	24
30	Thanh Hóa	224	286	62	8.870	11
31	Bắc Giang	84	202	118	8.315	14
32	Nghệ An	106	94	-12	8.272	35
33	Hà Giang	236	179	-57	8.076	7
34	Phú Yên	0	166	166	7.848	50
35	Gia Lai	172	171	-1	7.773	18
36	Quảng Nam	153	194	41	6.801	16
37	Quảng Ngãi	161	157	-4	6.395	24

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 03/01	Số mắc ngày 04/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 04/01	Số tử vong tích lũy đến 03/01
38	Hưng Yên	285	276	-9	6.196	2
39	Ninh Thuận	40	33	-7	5.939	51
40	Đắc Nông	65	152	87	5.447	12
41	Quảng Ninh	189	227	38	4.198	1
42	Nam Định	160	134	-26	3.922	3
43	Quảng Bình	55	40	-15	3.804	7
44	Hải Dương	177	203	26	3.732	1
45	Vĩnh Phúc	99	137	38	3.458	6
46	Phú Thọ	94	75	-19	3.372	3
47	Thái Bình	70	78	8	2.926	
48	Hà Nam	78	79	1	2.803	
49	Quảng Trị	53	-	-53	2.358	2
50	Thái Nguyên	99	220	121	2.242	
51	Hòa Bình	158	107	-51	1.965	3
52	Lạng Sơn	59	-	-59	1.848	7
53	Sơn La	111	68	-43	1.608	
54	Hà Tĩnh	0	23	23	1.598	5
55	Ninh Bình	39	134	95	1.207	
56	Tuyên Quang	29	30	1	1.162	
57	Kon Tum	34	63	29	1.131	
58	Lào Cai	51	65	14	785	
59	Cao Bằng	28	66	38	727	1
60	Điện Biên	23	62	39	724	
61	Yên Bái	64	36	-28	703	
62	Bắc Kạn	64	0	-64	183	
63	Lai Châu	8	18	10	152	
<b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.916</b>	<b>14.829</b>	<b>-1.087</b>	<b>1.794.866</b>	<b>32.986</b>



## PHỤ LỤC 2

**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Tính đến hết ngày 03/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 113 đợt
1	Hà Nội	15.641.202	6.137.052	5.847.535	0	171.909	455.091	684.325	569.110	13.865.022	88,6%
2	Hải Phòng	3.510.570	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	101,8%
3	Thái Bình	2.615.010	1.143.165	1.097.572	88.959	61.145	44.737	148.753	116.209	2.700.540	103,3%
4	Nam Định	2.577.520	1.128.780	1.089.371	0	112	4.986	62.956	3	2.286.208	88,7%
5	Hà Nam	1.490.330	577.710	563.638	0	130.959	28.259	70.869	68.828	1.440.263	96,6%
6	Ninh Bình	1.423.950	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	100,0%
7	Thanh Hoá	6.099.300	2.308.654	2.092.309	168.432	0	0	244.562	109.115	4.923.072	80,7%
8	Bắc Giang	3.086.140	1.269.291	1.224.026	0	40.310	114.061	144.504	71.943	2.864.135	92,8%
9	Bắc Ninh	2.521.660	1.110.557	1.051.873	0	7.747	149.136	114.852	105.980	2.540.145	100,7%
10	Phú Thọ	2.019.230	964.132	862.588	0	7.011	3.613	124.342	66.675	2.028.361	100,5%
11	Vĩnh Phúc	1.952.830	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	78,6%
12	Hải Dương	2.994.560	1.222.531	1.011.856	0	0	53.986	99.498	262	2.388.133	79,7%
13	Hưng Yên	1.978.902	816.157	777.199	0	0	3.316	105.348	102.267	1.804.287	91,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 113 đợt
14	Thái Nguyên	2.118.320	896.680	788.907	12.792	37.075	63.538	104.691	576	1.904.259	89,9%
15	Bắc Cạn	514.070	205.700	179.487	0	0	0	19.795	2.021	407.003	79,2%
16	Quảng Ninh	2.725.718	972.181	917.070	0	0	32.139	119.421	110.336	2.151.147	78,9%
17	Hoà Bình	1.312.240	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	88,4%
18	Nghệ An	5.034.440	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	94,1%
19	Hà Tĩnh	2.006.830	794.099	688.571	0	78.936	66.266	111.542	29.943	1.769.357	88,2%
20	Lai Châu	672.970	251.842	237.728	0	14.354	33.290	50.621	44.715	632.550	94,0%
21	Lạng Sơn	1.312.540	492.883	477.650	0	0	49.546	66.230	61.814	1.148.123	87,5%
22	Tuyên Quang	1.283.540	551.784	458.216	0	0	25.307	1.870	37.738	1.074.915	83,7%
23	Hà Giang	1.338.650	472.000	421.451	0	835	20.616	80.743	47.080	1.042.725	77,9%
24	Cao Bằng	767.340	330.624	287.507	0	3.130	22.756	43.407	36.489	723.913	94,3%
25	Yên Bái	1.273.780	501.000	482.786	1.335	3.485	35.198	76.708	72.037	1.172.549	92,1%
26	Lào Cai	1.228.920	498.020	417.081	0	32.002	46.880	33.803	68.137	1.095.923	89,2%
27	Sơn La	1.562.870	762.856	597.237	532	0	20.580	90.228	33.168	1.504.601	96,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
28	Điện Biên	849.720	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	95,6%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>71.913.152</b>	<b>29.270.010</b>	<b>27.015.635</b>	<b>693.813</b>	<b>679.700</b>	<b>1.539.331</b>	<b>3.307.585</b>	<b>2.206.382</b>	<b>64.712.456</b>	<b>90,0%</b>
29	Quảng Bình	1.210.710	525.000	498.738	0	0	0	64.534	22.292	1.110.564	91,7%
30	Quảng Trị	1.066.272	424.989	400.880	8.431	3.894	7.032	43.442	19.767	908.435	85,2%
31	TT- Huế	1.948.436	781.625	720.993	0	46.530	12.755	101.728	87.768	1.751.399	89,9%
32	Tp. Đà Nẵng	2.027.212	858.842	806.170	0	530	1.926	100.536	98.437	1.866.441	92,1%
33	Quảng Nam	2.625.380	1.030.481	977.804	28.204	0	624	109.228	327	2.146.668	81,8%
34	Quảng Ngãi	2.011.734	825.282	745.447	0	0	3.041	70.916	519	1.645.205	81,8%
35	Bình Định	2.542.300	1.030.621	909.495	38.923	2	9.314	109.423	15	2.097.793	82,5%
36	Phú Yên	1.491.394	614.989	562.008	0	0	132	82.257	27.330	1.286.716	86,3%
37	Khánh Hòa	2.459.390	957.639	912.705	0	55.771	53.456	114.430	109.816	2.203.817	89,6%
38	Ninh Thuận	1.147.590	428.057	388.803	0	33.628	36.172	58.838	51.122	996.620	86,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
39	Bình Thuận	2.302.440	911.740	815.016	0	0	6.137	61.801	38.061	1.832.755	79,6%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>20.832.858</b>	<b>8.389.265</b>	<b>7.738.059</b>	<b>75.558</b>	<b>140.355</b>	<b>130.589</b>	<b>917.133</b>	<b>455.454</b>	<b>17.846.413</b>	<b>85,7%</b>
40	Kon Tum	884.830	320.258	282.848	1.942	0	0	49.746	26.214	681.008	77,0%
41	Gia Lai	2.407.212	958.139	801.042	51.583	0	1.028	154.189	63.945	2.029.926	84,3%
42	Đắk Lắk	3.045.840	1.224.397	1.069.476	0	0	0	189.547	3.492	2.486.912	81,6%
43	Đắk Nông	1.060.820	399.840	387.578	0	0	0	67.401	51.453	906.272	85,4%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>7.398.702</b>	<b>2.902.634</b>	<b>2.540.944</b>	<b>53.525</b>	<b>0</b>	<b>1.028</b>	<b>460.883</b>	<b>145.104</b>	<b>6.104.118</b>	<b>82,5%</b>
44	TP. HCM	18.832.190	7.409.682	6.575.407	0	318.181	1.191.101	675.804	619.983	16.790.158	89,2%
45	BR-VT	2.367.180	960.025	859.378	0	0	172	108.416	47.853	1.975.844	83,5%
46	Đông Nai	5.870.900	2.711.218	2.311.594	0	0	18.571	176.220	126.759	5.344.362	91,0%
47	Tiền Giang	3.469.060	1.308.543	1.254.887	137.362	23.853	126.554	155.626	145.429	3.152.254	90,9%
48	Long An	3.797.840	1.490.615	1.431.923	0	2.735	24.476	167.542	144.155	3.261.446	85,9%
49	Lâm Đồng	2.512.794	967.167	928.027	0	17.895	42.689	132.410	104.408	2.192.596	87,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 113 đợt
50	Tây Ninh	2.432.350	867.259	808.731	10.161	9.747	103.236	88.025	84.312	1.971.471	81,1%
51	Cần Thơ	2.472.938	919.901	1.102.286	5.835	61.756	36.687	105.400	49.006	2.280.871	92,2%
52	Sóc Trăng	2.487.850	887.380	774.990	0	0	0	109.271	78.429	1.850.070	74,4%
53	An Giang	3.708.572	1.351.414	1.329.599	180.721	137.725	65.083	195.865	168.434	3.428.841	92,5%
54	Bến Tre	2.501.940	993.332	952.094	0	140.580	108.227	106.606	98.382	2.399.221	95,9%
55	Trà Vinh	1.800.180	787.383	576.883	0	1.154	19.750	85.371	78.647	1.549.188	86,1%
56	Vĩnh Long	2.065.900	767.790	738.034	0	32.599	54.297	91.093	86.264	1.770.077	85,7%
57	Đồng Tháp	3.325.040	1.237.814	1.177.801	148	202.681	59.989	142.544	103.016	2.923.993	87,9%
58	Bình Dương	5.705.070	2.379.843	1.878.323	0	0	31.352	175.857	131.977	4.597.352	80,6%
59	Bình Phước	1.950.140	751.131	722.897	0	4.118	3.691	109.419	98.087	1.689.343	86,6%
60	Kiên Giang	3.406.770	1.230.739	1.118.153	53.985	0	12.489	141.009	135.305	2.691.680	79,0%
61	Cà Mau	2.089.840	814.541	806.248	0	55.316	60.360	111.615	108.680	1.956.760	93,6%
62	Bạc Liêu	1.674.100	564.962	549.627	0	98.089	58.873	88.092	84.079	1.443.722	86,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
63	Hậu Giang	1.417.010	529.829	496.142	0	0	26.209	74.042	70.468	1.196.690	84,5%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>73.887.664</b>	<b>28.930.568</b>	<b>26.393.024</b>	<b>388.212</b>	<b>1.106.429</b>	<b>2.043.806</b>	<b>3.040.227</b>	<b>2.563.673</b>	<b>64.465.939</b>	<b>87,2%</b>

**Ghi chú:**

- 8,3 triệu liều vắc xin đợt 111-112 mới có Quyết định phân bổ ngày 27/12/2021; 1.761.640 liều AstraZeneca có Quyết định phân bổ ngày 30/12/2021, các địa phương, đơn vị đang tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 58.730 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.336.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.111.865 liều, trong đó có 574.590 mũi 1, 518.453 mũi 2 và 18.822 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,14 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 103.600 liều, trong đó có 57.716 mũi 1, 37.735 mũi 2 và 8.149 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 791.000 liều)

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BẢO VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 03/01/2022)**

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	6.200.000	778.075	99,0%	94,3%	7,3%	88,0%	73,1%
2	Hải Phòng	1.580.000	184.643	100,0%	96,5%	3,1%	82,3%	80,3%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	91,8%	88,2%	3,6%	99,2%	77,5%
4	Nam Định	1.272.614	122.612	88,7%	85,6%	0,4%	51,3%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	66.512	94,4%	92,1%	4,6%	100,0%	100,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	93,4%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.393.004	291.638	96,5%	87,4%	0,0%	83,9%	37,4%
8	Bắc Giang	1.267.538	145.967	100,0%	96,6%	9,0%	99,0%	49,3%
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	96,9%	100,0%	13,0%	89,7%	82,8%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,4%	85,4%	0,4%	96,6%	51,8%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.311.799	166.013	93,2%	77,1%	4,1%	59,9%	0,2%
13	Hưng Yên	935.528	112.803	87,2%	83,1%	0,4%	93,4%	90,7%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	97,7%	85,9%	6,9%	97,0%	0,5%
15	Bắc Cạn	222.390	26.584	92,5%	80,7%	0,0%	74,5%	7,6%
16	Quảng Ninh	1.013.446	118.979	95,9%	90,5%	3,2%	100,0%	92,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	80.462	92,3%	86,7%	0,0%	93,0%	81,0%
18	Nghệ An	1.960.668	316.527	98,3%	92,5%	8,2%	88,8%	35,2%
19	Hà Tĩnh	892.702	122.133	89,0%	77,1%	7,4%	91,3%	24,5%
20	Lai Châu	282.600	58.294	89,1%	84,1%	11,8%	86,8%	76,7%
21	Lạng Sơn	506.403	72.812	97,3%	94,3%	9,8%	91,0%	84,9%
22	Tuyên Quang	535.735	71.916	100,0%	85,5%	4,7%	2,6%	52,5%
23	Hà Giang	503.846	105.690	93,7%	83,6%	4,1%	76,4%	44,5%
24	Cao Bằng	368.973	46.352	89,6%	77,9%	6,2%	93,6%	78,7%
25	Yên Bái	510.271	79.369	98,2%	94,6%	6,9%	96,6%	90,8%
26	Lào Cai	445.152	87.148	100,0%	93,7%	10,5%	38,8%	78,2%
27	Sơn La	792.702	149.636	96,2%	75,3%	2,6%	60,3%	22,2%
28	Điện Biên	336.229	74.955	97,9%	87,7%	14,4%	82,8%	66,5%
	<b>Cộng miền Bắc</b>	<b>30.309.662</b>	<b>4.002.462</b>	<b>96,6%</b>	<b>89,1%</b>	<b>5,1%</b>	<b>82,6%</b>	<b>55,1%</b>
29	Quảng Bình	611.974	84.194	85,8%	81,5%	0,0%	76,6%	26,5%
30	Quảng Trị	463.442	69.712	91,7%	86,5%	1,5%	62,3%	28,4%
31	TT- Huế	779.911	93.101	100,2%	92,4%	1,6%	100,0%	94,3%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	100.000	97,0%	91,1%	0,2%	100,0%	98,4%
33	Quảng Nam	1.095.712	127.769	94,0%	89,2%	0,1%	85,5%	0,3%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	883.502	134.241	93,4%	84,4%	0,3%	52,8%	0,4%
35	Bình Định	1.110.818	153.866	92,8%	81,9%	0,8%	71,1%	0,0%
36	Phú Yên	616.333	86.632	99,8%	91,2%	0,0%	94,9%	31,5%
37	Khánh Hòa	901.731	113.994	100,0%	100,0%	5,9%	100,0%	96,3%
38	Ninh Thuận	428.346	62.771	99,9%	90,8%	8,4%	93,7%	81,4%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	90,3%	0,7%	45,5%	28,0%
	<b>Cộng miền Trung</b>	<b>8.679.309</b>	<b>1.162.131</b>	<b>96,7%</b>	<b>89,2%</b>	<b>1,5%</b>	<b>78,9%</b>	<b>39,2%</b>
40	Kon Tum	338.741	65.900	94,5%	83,5%	0,0%	75,5%	39,8%
41	Gia Lai	950.154	165.730	100,8%	84,3%	0,1%	93,0%	38,6%
42	Đắk Lắk	1.263.947	198.799	96,9%	84,6%	0,0%	95,3%	1,8%
43	Đắk Nông	404.872	68.900	98,8%	95,7%	0,0%	97,8%	74,7%
	<b>Cộng Tây Nguyên</b>	<b>2.957.714</b>	<b>499.329</b>	<b>98,1%</b>	<b>85,9%</b>	<b>0,0%</b>	<b>92,3%</b>	<b>29,1%</b>
44	TP. HCM	7.208.800	742.368	100,0%	91,2%	16,5%	91,0%	83,5%
45	BR-VT	891.244	117.755	100,0%	96,4%	0,0%	92,1%	40,6%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	92,8%	0,7%	60,3%	43,4%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.825	100,0%	96,5%	9,7%	100,0%	91,6%
48	Long An	1.361.733	167.662	100,0%	100,0%	1,8%	99,9%	86,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	100,0%	4,4%	100,0%	79,2%
50	Tây Ninh	977.624	88.220	88,7%	82,7%	10,6%	99,8%	95,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
51	Cần Thơ	941.769	100.509	97,7%	100,0%	3,9%	100,0%	48,8%
52	Sóc Trăng	861.361	110.630	100,0%	90,0%	0,0%	98,8%	70,9%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,5%	96,9%	4,7%	100,0%	84,7%
54	Bến Tre	980.652	104.446	100,0%	97,1%	11,0%	100,0%	94,2%
55	Trà Vinh	734.794	87.422	100,0%	78,5%	2,7%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	87.313	99,8%	96,0%	7,1%	100,0%	98,8%
57	Đồng Tháp	1.181.264	155.495	100,0%	99,7%	5,1%	91,7%	66,3%
58	Bình Dương	2.381.252	150.950	99,9%	78,9%	1,3%	100,0%	87,4%
59	Bình Phước	758.594	131.058	99,0%	95,3%	0,5%	83,5%	74,8%
60	Kiên Giang	1.248.338	189.132	98,6%	89,6%	1,0%	74,6%	71,5%
61	Cà Mau	857.571	142.451	95,0%	94,0%	7,0%	78,4%	76,3%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,7%	96,0%	10,3%	97,0%	92,6%
63	Hậu Giang	536.163	70.423	98,8%	92,5%	4,9%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>28.397.104</b>	<b>3.318.139</b>	<b>100,0%</b>	<b>92,9%</b>	<b>7,2%</b>	<b>91,6%</b>	<b>77,3%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 02/01/2022 đến 16h00 ngày 03/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.290 lượt người (nhập cảnh: 1.662, xuất cảnh: 1.628).
- + Tuyến VN-TQ: 795 lượt người (nhập cảnh: 353, xuất cảnh: 442).
- + Tuyến VN-Lào: 1.879 lượt người (nhập cảnh 944, xuất cảnh: 935).
- + Tuyến VN-CPC: 616 lượt người (nhập cảnh 365; xuất cảnh: 251).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 650 người trong đó:
  - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 537 người (VN-TQ: 09, VN-Lào: 143, VN-CPC: 385).
  - + Số người nhập cảnh trái phép: 112 người (VN-TQ: 07; VN-Lào: 02, VN-CPC: 103).
  - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 01, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 03/01/2022 tới ngày 04/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 209 lượt người (nhập cảnh: 80 lượt người; xuất cảnh: 129 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 424 lượt người (nhập cảnh: 95 lượt người; xuất cảnh: 329 lượt người).

**III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 04/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 53 tin/bài tiếng Việt; 63 ảnh trong nước và quốc tế; 12 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19: Việt Nam thuộc nhóm nước có tỉ lệ bao phủ vaccine cao nhất thế giới; hơn 153,5 triệu liều vaccine phòng COVID-19 đã được tiêm tại Việt Nam;...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19, Bộ Y tế; tăng cường quản lý người có nguy cơ cao; thần tốc hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm vaccine phòng COVID -19; nỗ lực của các địa phương trong việc kiểm soát dịch COVID-19, nhất là thành phố Hà Nội- địa bàn số lượng ca mắc luôn ở mức cao nhất cả nước; điều chỉnh cách ly và xét nghiệm đối với F0 và F1; đảm bảo an toàn cho học sinh học trực tiếp trở lại; điều chỉnh biện pháp phòng, chống dịch trong bối cảnh số ca mắc tăng cao; hạn chế di chuyển và tụ tập đông người trong dịp Tết Nguyên đán; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống

dịch COVID- 19; lan tỏa các thông điệp tạo sự đồng lòng trong phòng, chống dịch COVID-19; đẩy nhanh bao phủ vaccine để thích ứng an toàn với dịch COVID-19; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý: Israel thử nghiệm tiêm mũi tăng cường thứ 4 bằng cách kết hợp vaccine, trong khi Pháp cho rằng chưa đủ dữ liệu cho thấy cần tiêm mũi thứ 4 vaccine COVID-19; các nước đẩy nhanh việc mở rộng đối tượng tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19, trong khi số ca nhiễm biến thể Omicron tiếp tục gia tăng và số ca nhiễm ở người trẻ ngày càng tăng; Trung Quốc tiếp tục phong tỏa 1 thành phố nhằm ngăn ngừa virus lây lan, trong khi các chuyên gia quốc tế khuyến nghị Bắc Kinh nên có một chiến lược dài hạn trong bối cảnh COVID-19 trở thành bệnh đặc hữu...

#### IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

##### 1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu. Và từ 4/1 đã bắt đầu triển khai âm thông báo tại tỉnh Bình Phước với nội dung “UBND tỉnh Bình Phước đề nghị người dân thực hiện nghiêm quy định phòng, chống dịch Covid-19 và tuân thủ nguyên tắc 5K”.

- Tính đến hết 03/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.804.000 cuộc gọi (ngày 03/01 đã tiếp nhận và xử lý gần 14 nghìn cuộc gọi).

24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12	1/1/22	02/01	03/01
								2	1	
1323	1181	1172	1533	1476	1621	1686	1615	1052	8989	1379
1	9	9	9	8	9	1	2	4		6

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 03/01/2022 đã tiếp nhận hơn 308 nghìn cuộc (ngày 03/01/2022 đã tiếp nhận 127 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 –03/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 03/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12	01/01/22	02/01	03/01
Cuộc gọi đến	110	115	107	102	122	121	142	102	87	127

##### 2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

###### 2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.771.533 (= so với 03/01/2022, tăng 17.138 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,16% dân số, 49,14% số điện thoại thông minh.

## 2.2. Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.637.072 điểm đăng ký

+ 205.904 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 203.564.751

## 2.3. Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 153.596.949

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 146.507.150

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,38%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.459.913

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

## 2.4. Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 13.313.301 (tăng 154.222 người)

2. Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 154.222 người

Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.943.772 (tăng 58.426 người)

Quảng Ninh 1.175

Hải Dương 370

Bãi Cháy 143

TPHCM 2.392

Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 381

Yên Bái 35

Thái Nguyên 442

An Giang 5

Bắc Giang 45.073

Bắc Ninh 4.695

Bình Dương 144

Bình Phước 10  
 Cà Mau 68  
 Đồng Nai 791  
 Đồng Tháp 15  
 Hà Nội 639  
 Khánh Hòa 29  
 Quảng Bình 452  
 Sóc Trăng 16  
 Thừa Thiên Huế 261  
 Tiền Giang 2  
 Trà Vinh 1  
 Vĩnh Phúc 15  
 Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương 1  
 TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 2  
 Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 115  
 Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ 79  
 Bệnh viện sản nhi TWG Long An 21  
 SOVICO 1.028  
 Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng 26

### 3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...